

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2017/HS.ST
Ngày: 18 – 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên
2. Bà Trần Thị Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Vĩ - Kiểm sát viên so cấp

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hưng
huyện Tịnh Biên xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số
06/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 06/2017/HSST – QĐ ngày 05/7/2017 đối với các bị cáo:

1. **Võ Trung T (Sáu L)**, sinh năm 1989; Nơi sinh: An Giang; Nơi đăng ký
HKTT: Ấp P N, xã A P, huyện T B, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Ấp P N, xã
A P, huyện T B, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:
Cao Đài; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12 ; con ông **Võ Văn S**,
sinh năm 1951 và bà **Đặng Thị Hoàng A**, sinh năm 1951; anh, em có 06 người,
bị cáo là người thứ sáu; Vợ Lý Thị Mỹ L, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm
2017

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2017 cho đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Bảo T**, sinh năm 1996; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi đăng ký HKTT: Tổ
8, ấp PT, xã T T, huyện V T, Thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, ấp PT, xã
T T, huyện V T, Thành phố Cần Thơ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn
giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12 ; con ông

Trần Thanh T, sinh năm 1962 và bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1963; anh, em có 03 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/3/2017 cho đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị **Mai Thị G (L)**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Ấp P N, xã A P, huyện T B, tỉnh An Giang - Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Bà **Đặng Thị Hoàng A**, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Ấp P N, xã A P, huyện T B, tỉnh An Giang - Vắng mặt

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp T H, xã N H, huyện T B, tỉnh An Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/3/2017, sau khi nghe Võ Minh P nói lại chuyện trước đây khoảng một tháng thấy chị Mai Thị G đi vào nhà trọ Hương Quê với anh Huỳnh Văn N, thì T rủ T dùng điện thoại nhắn tin đe dọa chị G đã chụp được hai tấm ảnh của chị cùng N để lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Sau khi xin được số điện thoại của chị G thì T dùng điện thoại nhắn tin vào điện thoại của chị G với nội dung: “ *Tôi đã chụp được 02 tấm ảnh của chị cùng anh N trong nhà trọ Hương Quê, nếu chị không mua lại tôi sẽ rửa ra nhiều tấm gửi cho bà H - mẹ chồng chị*”, đồng thời T điện thoại yêu cầu chị G giao số tiền 20.000.000 đồng sẽ giao lại 02 tấm ảnh. Sợ bị gia đình phát hiện việc chị đi nhà trọ với N, nên chị G gọi điện cho T đồng ý nhận 2 tấm ảnh nhưng chỉ có 12.000.000 đồng thì T đồng ý và yêu cầu ngày hôm sau giao tiếp 8.000.000 đồng. Ngày 24/3/2017 trong lúc T đang nhận số tiền 12.100.000 đồng do chị G giao thì bị lực lượng công an bắt quả tang

Tại bản cáo trạng số 05/VKS - HS ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên đã truy tố Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, rất ăn năn hối hận về

hành vi phạm tội, trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét chiều cố cho hoàn cảnh của gia đình, giảm nhẹ hình phạt

Người bị hại chị Mai Thị G (L) cho biết: Sau khi nhận được tin nhắn và điện thoại từ người lạ, do sợ gia đình phát hiện chuyện tình cảm giữa chị với N trước đây, nên chị đã đồng ý, đồng thời chị trình báo với Công an, chính vì vậy trong lúc chị đang giao tiền cho T 12.100.000 đồng tại khu vực Đình Nhon Hưng thì bị lực lượng Công an huyện Tịnh Biên bắt quả tang. Hiện chị đã nhận lại số tiền 12.100.000 đồng. Không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Anh Võ Minh P khai: Trong lúc đi chơi cùng với T và T thì thấy chị G nên nhớ lại trước đây gặp chị G đi vào nhà trọ Hương Quê (xã V G) với anh N nên kể lại cho T và T nghe. Việc T và T có hành vi cưỡng đoạt tiền của chị G như thế nào anh Không biết

Các anh chị Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Ngọc L, cho biết: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/3/2017 anh chị đang ở nhà thì T và T đến mượn điện thoại của chị L gọi điện cho ai không rõ và hỏi nhà chị G ở đâu, rồi điều khiển xe về hướng T B, nên anh chị không biết nội dung vụ việc như thế nào

Bà Đặng Thị Hoàng A cho biết: Bà là mẹ của T. Việc Thực có hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị G thì bà không biết. Riêng điện thoại di động hiệu SamSung màu hồng là của bà để trong nhà nên không biết T lấy sử dụng. Hiện bà xin nhận lại

Bà Nguyễn Thị N cho biết: M có hỏi mượn xe đạp của bà đi vào hướng Đình Nhon Hưng nhưng không biết làm gì. Được một lúc thấy lực lượng Công an bắt giữ T. Hiện bà đã nhận lại xe đạp.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 Điều 135 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt

- Bị cáo Võ Trung T từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng tù
- Bị cáo Trần Bảo T 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo

* Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 nón kết và 01 cái khẩu trang y tế của bị cáo T; tịch thu sung quỹ điện thoại di động Nokia màu đen của

bị can T; trả lại điện thoại di động Samsung màu hồng cho bà Đặng Thị Hoàng A và điện thoại di động Sony màu đen cho T

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tịnh Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Những chứng cứ xác định tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T đã cùng khai nhận: Do muốn có tiền tiêu xài nên nghe P nói thấy chị G đi vào nhà trọ với anh N thì nghĩ ra cách nhắn tin, gọi điện đe dọa nhắn tin và gọi điện cho chị G với mục đích đe dọa chị G là đã chụp được hai tấm hình của chị và anh N đi vào nhà trọ Hương Quê; yêu cầu chị G phải giao số tiền 20.000.000 đồng sẽ trả lại 02 tấm hình; nếu không giao tiền sẽ cho gia đình của chị G biết hai tấm hình và rải hình ra đường.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng,

Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T B lập vào lúc 19 giờ 00 ngày 24/3/2017, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thu giữ vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ xác định cá bị cáo Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T đã có hành vi dùng điện thoại di động nhắn tin và gọi điện thoại đe dọa uy hiếp tinh thần của chị Mai Thị G (L) nhằm chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý, do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng

người đứng tội. Tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của con người được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn gây sự hoang mang trong quần chúng nhân dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chính vì vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc, xét cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy không có sự cấu kết chặt chẽ, nhưng đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Xét về vai trò, trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy

Đối với bị cáo Võ Trung T: Là người chủ động khởi sự, rủ rê và cũng là người thực hiện tích cực, nên phải chịu trách nhiệm trong vai trò chính.

Đối với bị cáo Trần Bảo T: Sau khi được bị cáo Thực rủ rê thì đồng ý và cùng thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm trong vai trò đồng phạm và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi thực hiện

[3]. Các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, vì vậy ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, bị cáo T mức án từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù. Về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có cơ sở chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền

[4]. Các biện pháp tư pháp:

*Xử lý vật chứng:

-Điện thoại di động hiệu NoKia là của bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước

- Điện thoại di động hiệu SONY của T, nhưng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T

-Điện thoại di động hiệu Sam Sung, LaFleur của bà Đặng Thị Hoàng A để ở nhà bị cáo T lấy sử dụng bà không biết, bà có yêu cầu nhận lại, nên giao trả lại cho bà A

- 01 (Một) cái nón kết, 01 (Một) cái khẩu trang y tế là vật chứng liên quan đến vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

[5]. Về án phí:

Các bị cáo Võ Trung T (Sáu L) và Trần Bảo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Võ Trung T (Sáu L)** và **Trần Bảo T** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt :

Võ Trung T (Sáu L) 02 (Hai) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 25/3/2017 (Ngày hai mươi lăm, tháng ba, năm hai ngàn không trăm mười bảy)

Trần Bảo T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 24/3/2017 (Ngày hai mươi bốn, tháng ba, năm hai ngàn không trăm mười bảy)

Các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

-Tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) cái nón kết màu trắng, có dòng chữ TRUERELIGION và 01 (Một) cái khẩu trang y tế màu xám

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 (Một) điện thoại di động, hiệu NOKIA màu đen, số máy: 358285031609618

(điện thoại đã qua sử dụng)

-Trả lại cho bà Đặng Thị Hoàng A:

01 (Một) điện thoại di động, hiệu SamSung, LaFleur màu hồng, loại phím bật nắp (điện thoại đã qua sử dụng)

-Trả lại cho bị cáo Trần Bảo T:

01 (một) điện thoại di động, hiệu SONY màu đen, gốc dưới máy có in dòng chữ XPERIA, loại máy màn hình cảm ứng (điện thoại đã qua sử dụng)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên và Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên).

Về án phí

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc **Võ Trung T (Sáu L)** và **Trần Bảo T**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Các bị cáo **Võ Trung T (Sáu L)** và **Trần Bảo T** và đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện TB (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện TB (01);
- Bộ phận THA Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Người bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện

